| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 2 - QUẢNG NGÃI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 03/2026/DS-ST
Ngày 29/01/2026
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - QUẢNG NGÃI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Đô.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Tấn Ba.

2. Bà Phạm Thị Lan.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Nhật Lam - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng Ngãi.

Ngày 29/01/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2025/TLST-DS ngày 23/10/2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2026/QĐXXST-DS ngày 16/01/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đào Hùng S, sinh năm 1966, nơi cư trú: Số A đường Hùng Vương, xã B, tỉnh C; người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Phú Hòa, sinh năm 1991, địa chỉ: Số A đường B, tổ X, phường C, tỉnh Quảng Ngãi (là người đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền ngày 24/10/2025); vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Khắc H, sinh năm 1989; nơi cư trú: Xóm A, thôn B, xã C, tỉnh A; có mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 17/10/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Đào Hùng S trình bày:*

Năm 2018, thông qua sự giới thiệu của người khác, giữa ông Đào Hùng S (sau đây viết tắt là ông S) và ông Nguyễn Khắc H (sau đây viết tắt là ông H) có gặp gỡ, trao đổi với nhau về việc mua bán Pallet gỗ. Trên cơ sở thống nhất

về giá cả, quy cách, chất lượng sản phẩm, giữa ông S và ông H tiến hành xác lập hợp đồng mua bán tài sản là Pallet gỗ, theo đó ông H đồng ý mua và ông S đồng ý bán Pallet gỗ, địa điểm giao nhận Pallet gỗ tại kho nhà máy ở Khu Kinh tế Dung Quất theo yêu cầu của ông H. Thực hiện hợp đồng, trong năm 2018 và năm 2019, ông S đã hoàn thành nghĩa vụ giao sản phẩm đến kho nhà máy đúng theo yêu cầu của ông H, có xác nhận giao nhận từng đợt. Tuy nhiên, ông H đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền, thường xuyên chậm trả cho ông S và số tiền trả rất nhỏ so với giá trị sản phẩm mà ông S đã giao cho ông H.

Ngày 23/8/2019, ông S trực tiếp đến gặp ông H để đối chiếu công nợ, ông H cam kết sẽ trả số tiền nợ cho ông S nhưng sau đó ông H không thực hiện. Đến ngày 04/7/2020, ông S tiếp tục gặp ông H để yêu cầu trả nợ nhưng ông H trình bày hoàn cảnh khó khăn nên chưa có điều kiện trả, ông H viết giấy khất nợ có nội dung xác nhận còn nợ ông S số tiền 235.400.000 đồng (hai trăm ba mươi triệu, bốn trăm nghìn đồng) hẹn trả dứt điểm vào ngày 30/10/2020.

Từ ngày viết giấy khất nợ, ông H chỉ chuyển trả cho ông S số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), đến ngày 18/8/2023, ông S tiếp tục đến gặp ông H để yêu cầu trả nợ thì ông H viết giấy cam kết trả dần mỗi tháng 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Tuy nhiên, sau đó ông H chỉ thực hiện được 02 lần chuyển khoản để trả nợ cho ông S (lần 1 ngày 20/10/2023 số tiền 5.000.000 đồng; lần 2 ngày 23/07/2024 số tiền 3.000.000 đồng), tổng cộng ông H chỉ trả cho ông S số tiền 28.000.000 đồng (hai mươi tám triệu đồng), số tiền nợ gốc còn lại chưa trả là 207.400.000 đồng (hai trăm lẻ bảy triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Mặc dù ông S đã nhiều lần yêu cầu ông H trả dứt điểm khoản nợ nhưng ông H cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Tính đến nay, ông H vẫn chưa trả cho ông S số tiền nợ gốc là 207.400.000 đồng (hai trăm lẻ bảy triệu, bốn trăm nghìn đồng) và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 30/10/2020. Do đó, ông S yêu cầu Tòa án buộc ông H trả một lần toàn bộ số tiền nợ gốc là 207.400.000 đồng (hai trăm lẻ bảy triệu, bốn trăm nghìn đồng) và tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 31/10/2020 đến ngày xét xử (ngày 29/01/2026) là 108.804.557 đồng (một trăm lẻ tám triệu, tám trăm lẻ bốn nghìn, năm trăm năm mươi bảy đồng), tổng cộng là 316.204.557 đồng (ba trăm mười sáu triệu, hai trăm lẻ bốn nghìn, năm trăm năm mươi bảy đồng).

*Tại bản tự khai ngày 26/12/2025 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Khắc H trình bày:*

Ông thừa nhận giữa ông và ông S có xác lập hợp đồng mua bán tài sản là Pallet gỗ đúng như ông S và người đại diện hợp pháp của ông S đã trình bày. Sau khi mua Pallet gỗ, do sản phẩm gặp sự cố về chất lượng, bị mối mọt và hư hỏng nặng nên ông không thể đưa sản phẩm vào nhà máy tiêu thụ, sản phẩm phải lưu kho, tiếp tục bị mối mọt, hư hỏng dẫn đến ông bị thua lỗ và không có tiền để trả nợ cho ông S.

Ngày 04/7/2020, ông S đến gặp ông và có yêu cầu trả khoản nợ nhưng do kinh tế khó khăn, ông chưa có điều kiện trả nợ và vì trách nhiệm của mình nên ông viết giấy khất nợ, theo đó ông xác nhận còn nợ ông S số tiền 235.400.000 đồng (hai trăm ba mươi lăm triệu, bốn trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, sau thời điểm này thì việc kinh doanh của ông cũng như kinh tế gia đình ông tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn, không đủ khả năng trả nợ cho ông S theo đúng cam kết, ông chỉ trả được tổng cộng là 28.000.000 đồng (hai mươi tám triệu đồng). Tính đến nay, ông vẫn còn nợ ông S số tiền nợ gốc là 207.400.000 đồng (hai trăm lẻ bảy triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Ông đồng ý trả số tiền gốc và lãi tổng cộng là 316.204.557 đồng (ba trăm mười sáu triệu, hai trăm lẻ bốn nghìn, năm trăm năm mươi bảy đồng) theo yêu cầu khởi kiện của ông S nhưng với phương thức mỗi tháng trả 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) cho đến khi ông trả xong nợ vì hiện nay hoàn cảnh kinh tế của ông rất khó khăn, thu nhập không ổn định và cùng lúc trả nhiều khoản nợ nên không đủ khả năng trả ngay một lần khoản nợ và tiền lãi như yêu cầu ông S. Ngoài ra, việc ông S yêu cầu ông trả lãi chậm trả là phù hợp với quy định của pháp luật nhưng ông đề nghị ông S có thể xem xét giảm tiền lãi để giảm bớt áp lực trả nợ cho ông.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của nguyên đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 26/12/2025, giữa các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về vấn đề phải giải quyết trong vụ án dân sự, Tòa án đã lập biên bản hòa giải thành. Tuy nhiên, ngày 29/12/2025 nguyên đơn có văn bản thay đổi ý kiến về

thỏa thuận ghi trong hòa giải thành nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông H thừa nhận ông H có mua Pallet gỗ của ông S, vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận hợp đồng, cam kết và hiện nay ông H còn nợ ông S số tiền nợ gốc là 207.400.000 đồng (hai trăm lẻ bảy triệu, bốn trăm nghìn đồng). Sự thừa nhận của ông H phù hợp với nội dung trong Giấy khất nợ ngày 04/7/2020 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì những tình tiết, sự kiện mà đương sự đã thừa nhận thì không phải chứng minh.

Theo nội dung Giấy khất nợ ngày 04/7/2020 thể hiện ông H cam kết trả dứt điểm khoản nợ cho ông S vào ngày 30/10/2020 nhưng đến hạn ông H vẫn không thực hiện. Việc ông H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền cho ông S theo thỏa thuận là vi phạm hợp đồng. Căn cứ quy định tại Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015, yêu cầu của ông S về việc buộc ông H trả nợ gốc 207.400.000 đồng (hai trăm lẻ bảy triệu, bốn trăm nghìn đồng) là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2] Về tiền chậm trả: Theo quy định tại Điều 357 và khoản 3 Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Như đã nêu trên, ông H cam kết thời hạn trả khoản nợ nêu trên cho ông S là ngày 30/10/2020, tuy nhiên đến hạn thì ông H không thực hiện việc trả tiền nên ngày xảy ra vi phạm nghĩa vụ trả tiền của ông H được xác định 30/10/2020.

Trong vụ án này, giữa ông S và ông H không có thỏa thuận về lãi suất trong hợp đồng mua bán tài sản và cũng không thể hiện trong giấy khất nợ nên Hội đồng xét xử áp dụng mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự để tính lãi chậm trả; thời gian tính lãi được tính từ ngày tiếp theo của ngày cam kết trả nợ cuối cùng (30/10/2020), tức là từ ngày 31/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 29/01/2026 là 05 năm 02 tháng và 29 ngày. Ông S yêu cầu ông H trả lãi chậm trả số tiền lãi là 108.804.557 đồng (một trăm lẻ tám triệu, tám trăm lẻ bốn nghìn, năm trăm năm mươi bảy đồng)

như đã nêu trên là có căn cứ, phù hợp với quy định đã viện dẫn và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[2.3] Như vậy, tổng số tiền ông H phải trả cho ông S là 316.204.557 đồng (ba trăm mười sáu triệu, hai trăm lẻ bốn nghìn, năm trăm năm mươi bảy đồng).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của ông S được chấp nhận, cụ thể yêu cầu của ông S được chấp nhận là 316.204.557 đồng (ba trăm mười sáu triệu, hai trăm lẻ bốn nghìn, năm trăm năm mươi bảy đồng) nên án phí dân sự ông H phải chịu là 15.810.228 đồng (mười lăm triệu, tám trăm mười nghìn, hai trăm hai mươi tám đồng); hoàn trả cho ông S toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 212, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 351, 357, 430, 440, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Đào Hùng S về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" đối với bị đơn là ông Nguyễn Khắc H.

Buộc ông Nguyễn Khắc H phải có nghĩa vụ trả cho ông Đào Hùng S tổng số tiền là 316.204.557 đồng (ba trăm mười sáu triệu, hai trăm lẻ bốn nghìn, năm trăm năm mươi bảy đồng), trong đó nợ gốc là 207.400.000 đồng (hai trăm lẻ bảy triệu, bốn trăm nghìn đồng) và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 31/10/2020 đến ngày 29/01/2026 là 108.804.557 đồng (một trăm lẻ tám triệu, tám trăm lẻ bốn nghìn, năm trăm năm mươi bảy đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Nguyễn Khắc H phải chịu 15.810.228 đồng (mười lăm triệu, tám trăm mười nghìn, hai trăm hai mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn trả cho ông Đào Hùng S số tiền 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001720 ngày 22/10/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – Quảng Ngãi.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND KV2- Quảng Ngãi;
- Phòng THADS KV2 – Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Đô**

| | |
|---|---|
| **CÁC THÀNH VIÊN**<br>**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** | **THẨM PHÁN**<br>**CHỦ TỌA PHIÊN TÒA** |
| | **Nguyễn Văn Đô** |

Lãi suất cho 05 năm (Từ 31/10/2020 đến 31/10/2025) 207.400.000 = 103.700.000 đồng, lãi suất cho 02 tháng (từ 31/10/2025 đến 30/12/2025) 207.400.000 đồng = 3.456.667 đồng; lãi suất cho 29 ngày (từ 31/12/2025 đến 29/01/2026): 207.400.000 đồng = 1.647.890 đồng. Tổng tiền lãi chậm trả là: 103.700.000 + 3.456.667 + 1.647.890 =